

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CẬP NHẬT DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ Ở XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Thông tin dự án						Tiến độ hoàn thành/ Dự kiến hoàn thành	Ghi chú
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tổng diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng căn hộ (căn)		
1	2	3	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG							
1	Dự án đang ký cấp nhật mới tại Phụ lục 2A kèm theo Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 13/3/2026		77.388	978.800	4.282.991	41.608		
1	Dự án Xây dựng Nhà ở xã hội Sóng Thiếp tại ô đất CT-3	Tại ô đất ký hiệu CT-3 thuộc Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn Bắc, Đoài, Đông, xã Thiên Lộc	1.000	5.670	48.896	500	II/2029	Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 10/6/2026 của UBND Thành phố
2	Dự án nhà ở xã hội Ô Diên Đan Phương	xã Ô Diên	916,7	5735	46798	416	2026-2028	
3	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội Ngọc Hồi	xã Thường Tín	1.137,2	46.280	71.714	660	2026-2029	
4	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội Tiên Phong	Thuộc ô quy hoạch có ký hiệu B.HT4 thuộc Quy hoạch phân khu đô thị thể thao Olympic, tỷ lệ 1/2000 (phân khu thành phần C), xã Thường Tín	1.408,3	55.711	108.918	974	2026-2029	
5	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội Phú Cốc	xã Hồng Vân	1.611,28	39.065	107.737	1.122	2026-2030	
6	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội tại phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội.	phường Việt Hưng	3.174,80	60.295,50	137.278	1.140	2026-2031	
7	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội Dương Nội tại phường Dương Nội, thành phố Hà Nội.	Ô quy hoạch 6-2, phân khu Quy hoạch S4 phường Dương Nội	2.849,40	40.798,90	109.199	945	2026-2031	
8	Dự án Nhà ở xã hội Tây Tựu	Ô đất GS2-2, phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội	5.465,97	33.305,30	198.954	1.782	2026-2030	
9	Nhà ở xã hội Xuân Ấp	xã Kim Anh	192,0	2.975,00	14.624	165	2026-2029	
10	Nhà ở xã hội Thạch Bích	Thôn Thạch Bích, xã Bình Minh	2.800,0	45.012,36	163.380	1.810	2030	
11	Khu nhà ở xã hội cao tầng Nguyễn Anh	số 107 ngõ 53 phố Đức Giang, phường Việt Hưng	639,0	5.834	36.250	376	IV/2028	
12	Dự án Nhà ở xã hội an sinh Đại Mỹ	phường Đại Mỹ, thành phố Hà Nội	3.484,00	13.708,00	126.000	1.718	2026-2030	
13	Dự án Nhà ở xã hội bình yên Đông Ngạc	phường Đông Ngạc	5.201,0	23.543	139.860	1.497	2026-2030	
14	Nhà ở xã hội Thiên Hà Thủy	phường Long Biên. Thành phố Hà Nội	1.810	13.883	106.899	1.110	III/2026 - IV/2030	
15	Khu nhà ở xã hội Thượng Mỹ	Tại Dự án ĐTXD HTKT khu đầu giá QSDĐ khu X29, N19 xã Đan Phượng	238	2.529,70	17.606,70	170	2029	
16	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội thuộc quy hoạch chi tiết khu dân cư thôn Vệ, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội	Ô đất CT01 và CT02 Theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Vệ, Địa, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh do UBND huyện Đông Anh phê duyệt tại Quyết định số 7741/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	2.639	14.360	91.778	1.520	2026-2029	
17	Dự án khu nhà ở xã hội Xuân Phương	phường Xuân Phương	1.374,6	20.975	70.645	693	2026-2031	
18	Nhà ở xã hội an sinh Việt Hưng	đường Mai Chí Thọ, phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội	7.820	62.123	306.555	5.037	2030	
19	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội - hồ Hòa Bình	xã Phú Đồng, thành phố Hà Nội	804,96	55.997	61.600	675	2026-2028	
20	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội CXH Linh Nam	phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	2.527	11.273	111.248	1.271	2029	
21	Khu nhà ở xã hội Đại La, xã Đại Thanh	Tại Km3 đường Phan Trọng Tuệ, xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội	2.852	20.006	91.508	1.248	2030	Điều chỉnh từ dự án nhà ở thương mại STT 646 Phụ lục 1 Quyết định 1133
22	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại ô đất I.2.5/OQH1 thuộc quy hoạch phân khu đô thị Sóc Sơn khu 1, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	Ô đất I.2.5/OQH1 thuộc quy hoạch phân khu đô thị Sóc Sơn khu 1, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	Chưa xác định	46.723	241.082	2.516	2029	
23	Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội Rạng Đông	thôn Rạng Đông, phường Chương Mỹ	920	4.833	60.000	400	I/2029	
24	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội Đại Phú - xã Đan Phượng	thôn Đại Phú, xã Đan Phượng	3.695	83.368	318.895	2500	IV/2030	
25	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội xã Thượng Phúc	tại ô đất OM6 và OM13 phân khu C đô thị thể thao Olympic, xã Thượng Phúc	1.449	23.567	112.137	860	IV/2030	
26	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội An Sơn - xã Đan Phượng	thôn An Sơn, xã Đan Phượng	1.965	44.962	154.813	1148	IV/2030	
27	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội tại phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	6.331,64	8,70	347.887	3.395	2030	
28	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Ô đất NOXH-01 thuộc Khu Đồng Dục Dưới, thôn Giê Hạ, xã Phú Yên cũ (nay là xã Chuyên Mỹ)	Ô đất NOXH-01 thuộc Khu Đồng Dục Dưới, thôn Giê Hạ, xã Phú Yên cũ (nay là xã Chuyên Mỹ)	153	2.080	9.360	80	2026-2030	Lựa chọn theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 192/2025/NĐ-CP
29	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Các ô đất OXH1, OXH2, OXH3, OXH4 thuộc khu Châu Hùm, thôn Đồng Bàng, xã Vật Lại	Các ô đất OXH1, OXH2, OXH3, OXH4 thuộc khu Châu Hùm, thôn Đồng Bàng, xã Vật Lại	77	4.000	8.000	34	2026-2030	Lựa chọn theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 192/2025/NĐ-CP
30	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Ô đất ký hiệu CT thuộc Quy hoạch chi tiết khu trung tâm thị trấn Liên Quan	Ô đất ký hiệu CT thuộc Quy hoạch chi tiết khu trung tâm thị trấn Liên Quan	1.057	16.500	74.250	748	2026-2030	Lựa chọn theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 192/2025/NĐ-CP
31	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Thuộc Dự án Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất ở DG04.2024 xã Đại Thành, huyện Quốc Oai (nay là xã Hưng Đạo)	Thuộc Dự án Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất ở DG04.2024 xã Đại Thành, huyện Quốc Oai (nay là xã Hưng Đạo)	203	3.079	14.009	140	2026-2030	Lựa chọn theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 192/2025/NĐ-CP
32	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Ô đất ký hiệu CT3 thuộc QHCT, tỷ lệ 1/500 dự án XD HTKT khu đầu giá QSD đất A2, xã tiên Dương, huyện Đông Anh (nay là xã Phúc Thịnh)	Ô đất ký hiệu CT3 thuộc QHCT, tỷ lệ 1/500 dự án XD HTKT khu đầu giá QSD đất A2, xã tiên Dương, huyện Đông Anh (nay là xã Phúc Thịnh)	207	3.800	13.032	180	2026-2030	Lựa chọn theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 192/2025/NĐ-CP
33	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Ô đất ký hiệu CT2 thuộc QHCT, tỷ lệ 1/500 dự án XD HTKT khu đầu giá QSD đất A1, xã tiên Dương, huyện Đông Anh (nay là xã Phúc Thịnh)	Ô đất ký hiệu CT2 thuộc QHCT, tỷ lệ 1/500 dự án XD HTKT khu đầu giá QSD đất A1, xã tiên Dương, huyện Đông Anh (nay là xã Phúc Thịnh)	137	2.900	9.553	84	2026-2030	Lựa chọn theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 192/2025/NĐ-CP

TT	Thông tin dự án						Tiến độ hoàn thành/ Dự kiến hoàn thành	Ghi chú
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tổng diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng căn hộ (căn)		
34	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Ô đất ký hiệu NXH thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Hiền Ninh, huyện Sóc Sơn (nay thuộc xã Nội Bài)	Ô đất ký hiệu NXH thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Hiền Ninh, huyện Sóc Sơn (nay thuộc xã Nội Bài)	3.507	43.500	228.375	1225	2026-2030	Lựa chọn theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 192/2025/NĐ-CP
35	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Ô đất ký hiệu NOXH thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn (nay thuộc xã Nội Bài)	Ô đất ký hiệu NOXH thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn (nay thuộc xã Nội Bài)	767	23.500	58.750	881	2026-2030	Lựa chọn theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 192/2025/NĐ-CP
36	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Ô đất ký hiệu NOXH1 thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn (nay thuộc xã Nội Bài)	Ô đất ký hiệu NOXH1 thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn (nay thuộc xã Nội Bài)	118	3.600	9.000	145	2026-2030	Lựa chọn theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 192/2025/NĐ-CP
37	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Ô đất ký hiệu NOXH2 thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn (nay thuộc xã Nội Bài)	Ô đất ký hiệu NOXH2 thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn (nay thuộc xã Nội Bài)	189	5.800	14.500	236	2026-2030	Lựa chọn theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 192/2025/NĐ-CP
38	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Ô đất ký hiệu NOXH1 thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn (nay thuộc xã Nội Bài)	Ô đất ký hiệu NOXH1 thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn (nay thuộc xã Nội Bài)	160	4.900	12.250	195	2026-2030	Lựa chọn theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 192/2025/NĐ-CP
39	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Ô đất ký hiệu NOXH2 thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn (nay thuộc xã Nội Bài)	Ô đất ký hiệu NOXH2 thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn (nay thuộc xã Nội Bài)	408	12.500	31.250	500	2026-2030	Lựa chọn theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 192/2025/NĐ-CP
40	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Ô đất ký hiệu OXH thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn	Ô đất ký hiệu OXH thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn	331	7.400	22.200	230	2026-2030	Lựa chọn theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 192/2025/NĐ-CP
41	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Ô đất II.1.1 tại QHPK đô thị Sóc Sơn Khu 2	Ô đất II.1.1 tại QHPK đô thị Sóc Sơn Khu 2	2.208	24.000	144.000	534	2026-2030	Lựa chọn theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 192/2025/NĐ-CP
42	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Ô đất IV.1.3 tại QHPK đô thị Sóc Sơn Khu 2	Ô đất IV.1.3 tại QHPK đô thị Sóc Sơn Khu 2	3.560	38.700	232.200	748	2026-2030	Lựa chọn theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 192/2025/NĐ-CP
II Dự án điều chỉnh thông tin tại Phụ lục 2A kèm theo Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 13/3/2026						77		
1	Nhà ở xã hội cao tầng Vĩnh Hưng	Số 4-6-8 ngõ 321 phố Vĩnh Hưng, phường Vĩnh Hưng	1.183	4.516	98.724	577 (tầng 77 căn)	IV/2027	(STT 22) Điều chỉnh thông tin theo Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của UBND Thành phố
2	Dự án nhà ở xã hội Thượng Phúc 2	xã Thượng Phúc	1.250	14.100	34.816	416	IV/2030	(STT 307) Điều chỉnh thông tin diện tích đất
III Dự án đưa ra khỏi Phụ lục 2A kèm theo Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 13/3/2026			1.790.749	974.065	3.668.797	43.818		
1	Dự án xây dựng nhà ở xã hội tại Pháp Vân - Tứ Hiệp (Chuyển đổi các tòa A2, A3 và A4 từ nhà ở sinh viên sang làm nhà ở xã hội)	Tại một phần ô đất III.13.1 (quỹ đất 20%) KĐT mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, quận Hoàng Mai	1.197	16.900	73.440	1.224	2030	(STT 7) chuyển sang dự án nhà ở cho thuê
2	Dự án Khu nhà ở giãn dân quận Hoàn Kiếm (Nhà ở xã hội)	Khu đô thị Việt Hưng, quận Long Biên	3.713	50.916	244.456	3.505	2023-2026	(STT 163) Chuyển sang dự án nhà ở cho thuê
3	Xây dựng nhà ở để bán cho đối tượng thu nhập thấp Công an quận Ba Đình.	Xứ đồng Bảo Văn phường Ngọc Hà quận Ba Đình	105	3.000	4.844	77	2026	(STT 45) Quyết định chủ trương đầu tư 6684/UBND-KH&ĐT ngày 29/8/2012, không triển khai dự án
4	Dự án Nhà ở xã hội Phú Lương	Tại ô quy hoạch ký hiệu 17-1 thuộc Quy hoạch phân khu đô thị S4, tỷ lệ 1/5000, phường Phú Lương	1.839	42.926	92.205	1.257	2030	(STT 123) trùng vị trí ô đất dự án STT 117
5	Khu nhà ở xã hội Xuân Phương	Thuộc ô đất GS3-6 Quy hoạch phân khu đô thị GS	1.639	32.000	72.000	1.316	2030	(STT 184) Dự án đã được Sở QHKT đánh giá không phù hợp với quy hoạch
6	Đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội Đại Mỗ	Ô đất ký hiệu 4-1, phân khu đô thị S4, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội	5.121	53.200	113.890	1.627	2030	(STT 187) Trùng dự án Bệnh viện Y học cổ truyền Bộ Công an
7	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội ô đất quy hoạch A.4/HH3 thuộc quy hoạch phân khu đô thị N10 tại phường Bồ Đề	Tại ô đất quy hoạch A.4/HH3 thuộc quy hoạch phân khu đô thị N10 tại phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội	1.785	9.000	69.082	926	2029	(STT 192) Trùng vị trí dự án đang đề xuất STT 285 và STT 316
8	Nhà ở xã hội Thụ Lâm	Vị trí ô đất nằm trong Quy hoạch chung Thủ đô điều chỉnh xã Thụ Lâm, thành phố Hà Nội	3.423	134.301	154.601	1.566	2032	(STT 276) Trùng vị trí Dự án nhà ở xã hội Đông Anh có STT 278
9	Khu nhà ở xã hội Đỗ Động, Xã Thanh Oai	Xã Thanh Oai, Thành phố Hà Nội	1.617	104.750	25.017	1.260	2030	(STT 224) Trùng dự án Khu đô thị Thế thao quốc tế Hà Nội
10	Dự án Đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội Dương Xá, xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội	Xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội	2.936	51.639	101.626	1.163	2029	(STT 254) NĐT đã rút hồ sơ đề xuất dự án
11	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội thuộc Quy hoạch tổng mặt bằng, tỷ lệ 1/500 dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất thôn Tuấn Lễ, xã Phúc Thịnh	Ô đất ký hiệu CT1 và CT2 thuộc Quy hoạch tổng mặt bằng, tỷ lệ 1/500 dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất thôn Tuấn Lễ, xã Phúc Thịnh	512	6.000	21.347	406	2028	(STT 273) Trùng vị trí với dự án đã được giao chủ đầu tư STT 72
12	Dự án nhà ở xã hội thuộc khu đầu giá quyền sử dụng đất tại thôn Bạch Đa, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	tại thôn Bạch Đa, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	681	3.760	31.907	536	Quý IV/2029	(STT 280) Trùng vị trí đề xuất với dự án tại STT 67
13	Dự án nhà ở xã hội phường Bồ Đề	Ô đất A.4/HH3 tại dự án đầu giá QSD đất dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật các ô quy hoạch A.4/NO4, A.8/NO1, A.8/NO2, A.4/HH2, A.4/HH3 và các tuyến đường phụ cận phường Ngọc Thụy, quận Long Biên) nay là phường Bồ Đề		8.888	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	(STT 285) Trùng vị trí dự án STT 316 đang đề xuất
14	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội tại ô đất CT5 thuộc Khu đô thị mới Kim Chung, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội	tại ô đất có ký hiệu CT5 thuộc Khu đô thị mới Kim Chung, xã Kim Chung, huyện Đông anh (cũ) nay là xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội	1.720.520	11.959	44.042	704	Quý IV/2030	(STT 305) Trùng vị trí dự án đã được chấp thuận STT 21
15	Dự án Nhà ở xã hội Tây Thụ Đô	Thôn Thung Mỗ, xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội	4.758	149.000	633.250	7.387	2030	(STT 313) Đưa ra do trùng lần dự án Khu tái định cư Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc

TT	Thông tin dự án						Tiến độ hoàn thành/ Dự kiến hoàn thành	Ghi chú
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tổng diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	Số lượng căn hộ (căn)		
16	Khu nhà ở xã hội X2 Định Công	Tại một phần ô quy hoạch có ký hiệu D2/ODK10 thuộc đồ án quy hoạch phân khu đô thị H2-3, tỷ lệ 1/2000 tại phường Định Công	924	12.000	74.764	766	2029	(STT 170) Vị trí khu đất dự kiến thanh toán theo hợp đồng BT quy định tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 11/5/2026
17	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	thuộc ô quy hoạch 17.2, Khu 17, Phân khu đô thị S4 tại phường Phú Lương, thành phố Hà Nội	1.895	22.979	97.357	1.146	2029	(STT 311) Trùng vị trí với dự án STT 202
18	Khu nhà ở xã hội Đền Lũ	Tại ô quy hoạch có ký hiệu B3/HH1 thuộc đồ án quy hoạch phân khu đô thị H2-4, tỷ lệ 1/2000 phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	819	10.000	67.495	660	2029	(STT 171) Vị trí khu đất đã có trong danh mục đăng ký kế hoạch đầu tư giá quyền sử dụng đất năm 2026 thành phố Hà Nội được UBND Thành phố phê duyệt tại Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 07/4/2026.
19	Khu Nhà ở xã hội Kiến Hưng I	Thuộc phạm vi ô 15-2 trên Quy hoạch Phân khu S4, Phường Kiến Hưng, thành phố Hà Nội	2.479	25.538	101.116	1.178	2030	(STT 198) Nhà đầu tư đề xuất rút hồ sơ
20	Dự án Nhà ở xã hội Dương Nội	tại phường Dương Nội, thành phố Hà Nội	1.834	15.000	58.480	708	2.030	(STT 85) Nhà đầu tư đề xuất rút hồ sơ
21	Khu nhà ở xã hội tập trung xã Nam Phú, thành phố Hà Nội	xã Nam Phú, thành phố Hà Nội	28.770	159.309	1.358.267	15.480	2030	(STT 220) Theo Thông báo 389/TB-VP ngày 12/5/2026: nội dung đề xuất của Nhà đầu tư là chưa phù hợp
22	Khu nhà ở xã hội Làng đảo Nhật Tân, phường Hồng Hà	tại phường Hồng Hà, thành phố Hà Nội	4.182	51.000	229.611	926	Quý IV/2029	(STT 180) Nhà đầu tư có Văn bản rút hồ sơ